

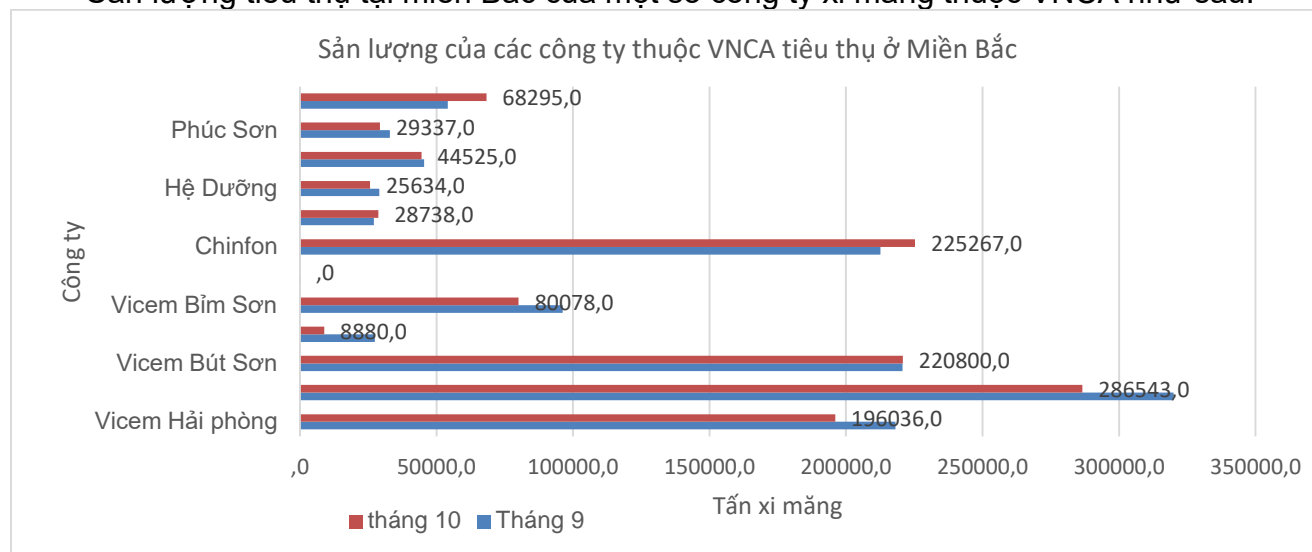
TÌNH HÌNH THI TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 10/2019

A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

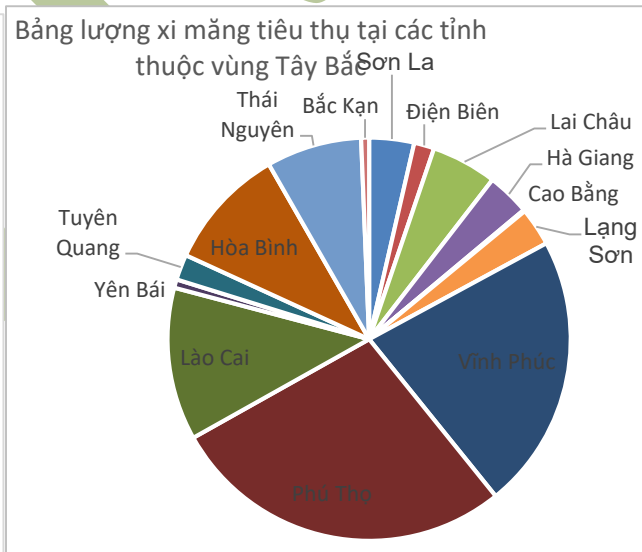
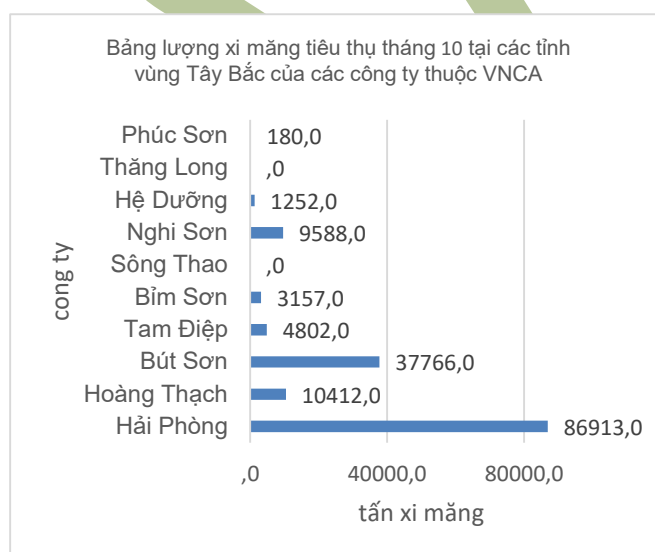
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 10 là: 2.388.238 tấn (tháng 9 là 2.397.283 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

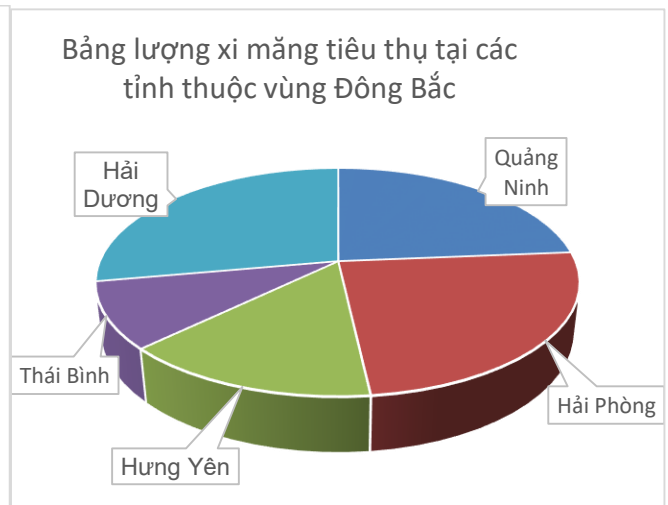
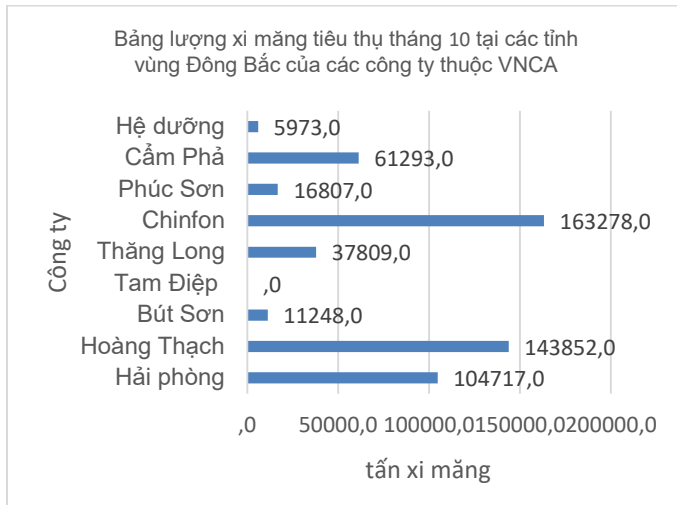


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 10 như sau:

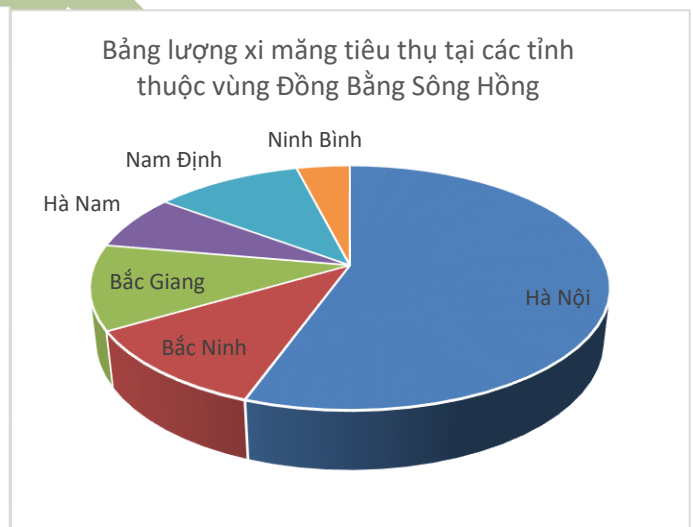
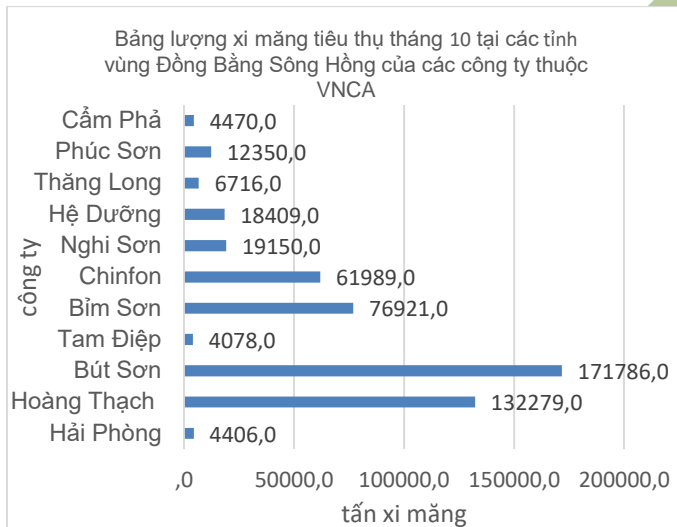
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên đĩa bàn Miền Bắc như sau:
Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Sơn La:

- XM Yên Bái: 1.180 (giá tại nhà máy)
- XM Tam Điệp: 1.460

2. Tại Hòa Bình: - XM ChinFon: 1.450 - XM Bút Sơn: 1.410

3. Tại Lạng Sơn: - XM Phúc Sơn: 1.300 - XM Chinfon: 1.350

- XM Hoàng Thạch: 1.440
- XM Lạng Sơn: 940

4. Tại Thái Nguyên: - XM La Hiên: 1.240 - XM Quang Sơn: 1.270

- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1090 PCB 40: 1.200

5. Tại Quảng Ninh: - XM Hoàng Thạch: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.290

- XM Chin Fon: 1.350 - XM Lam Thạch : 1.200

- XM Thăng Long PCB 40 1.350 - XM Hạ Long PCB 40 1.360

- XM Cẩm phả PCB 40 1.300

6. Tại Bắc Ninh: - Xi măng Hoàng Thạch: 1.430 -XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380

XM Phúc Sơn: 1.350 XM Nghi Sơn PCB40: 1.450 – XM Chinfon: 1.400

7. Tai Bắc Giang: - XM Hoàng Thạch: 1.430

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380 - XM Phúc Sơn: 1.330

- XM Thăng Long PCB 40 1.380 - XM Hoàng Mai: 1.450

8. Tai Hải Dương: - XM Chinfon: 1.370 - *Hoàng Thạch: 1.420*

- XM Cẩm phả PCB 40	1.400	- XM Phúc Sơn:	1.350
---------------------	-------	----------------	-------

9. Tai Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.400

- XM Chin Fon:	1.350	- XM Bút Sơn:	1.380
- XM Phúc Sơn:	1.260		

10. Tai Thanh Hoá: - XMVLXD Bỉm Sơn: 1.070

- XM Bỉm Sơn: 1.330 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.420

- XM Hoàng Mai 1.280 - XM Tam Điệp: 1.250

11. Tai Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.250 - XM Hệ Dưỡng: 970 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.220

12. Tai Nam Định: - XM Hoàng Thạch: 1.400 XM Cẩm phả: 1.380

- XM Bỉm Sơn: 1.420 XM Phúc Sơn: 1.340

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.390

13. Tai Thái Bình:

- XM Bỉm Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.390 - XM Thăng Long: 1.390

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.320 - XM Cẩm phả: 1.390

14. Tai Hà Nội.

- XM Chin Fon: 1.490 - XM Hoàng Thạch: 1.590

- XM Phúc Sơn: 1.450 - XM Bỉm Sơn: 1590

- XM Tam Điệp: 1550 - XM Bút Sơn: 1560

- XM Thăng Long PCB 40: 1.490

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.600 - XM Cẩm Phả: 1.500

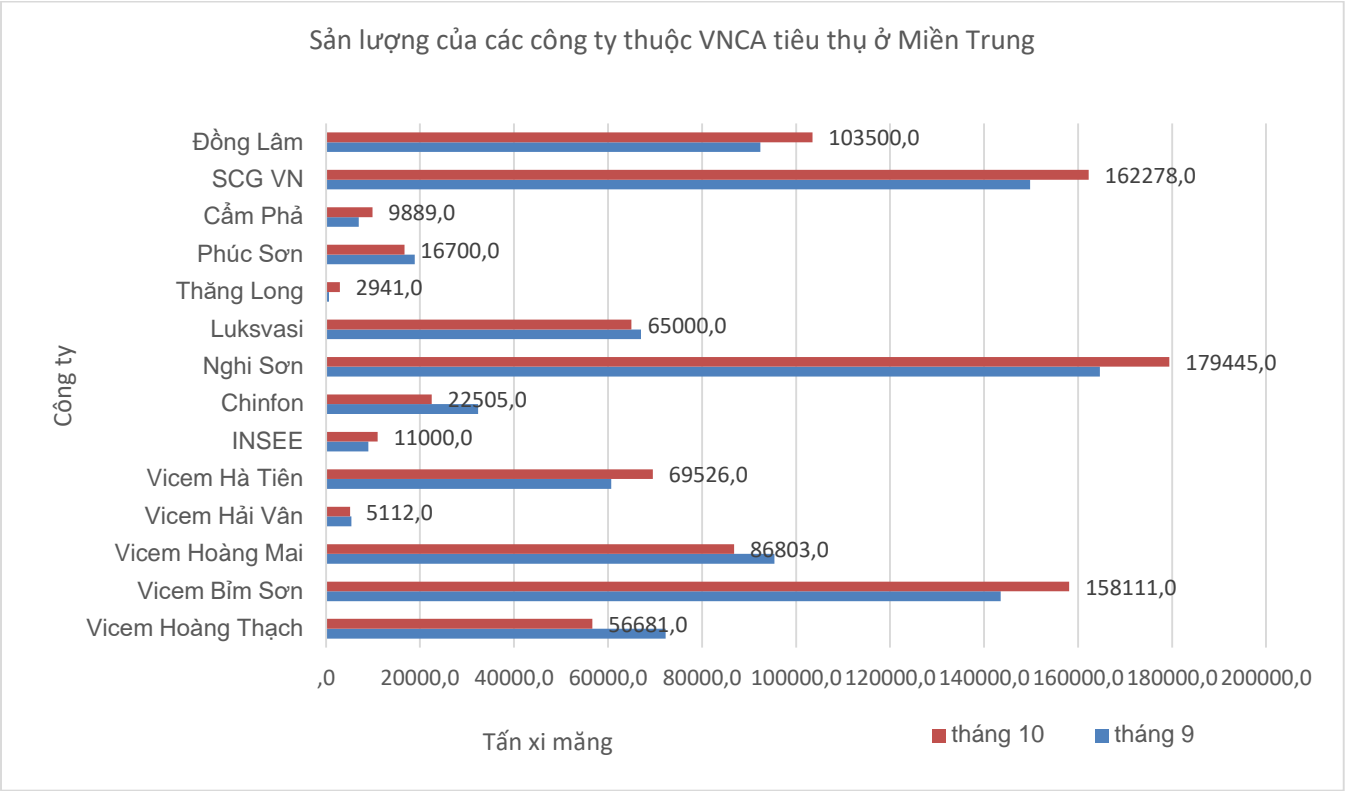
15. Tai Hải phòng: - XM ChinFon: 1.420 XM Cẩm phả: 1.400

- XM Hải phòng: 1.440 - XM Phúc Sơn: 1.390

II. Thị trường xi măng miền Trung:

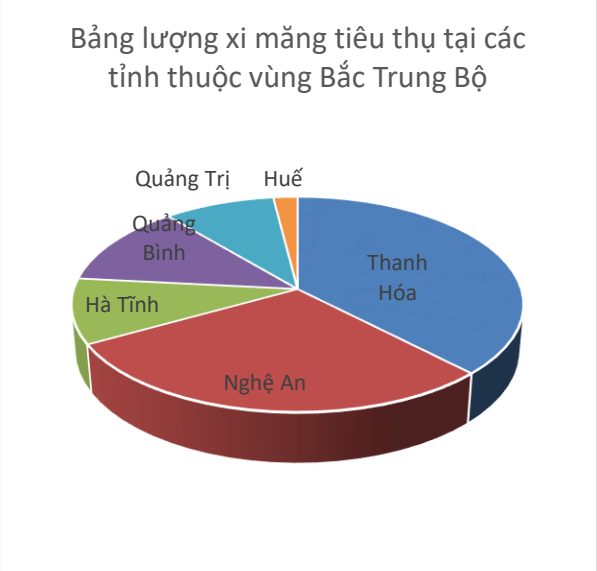
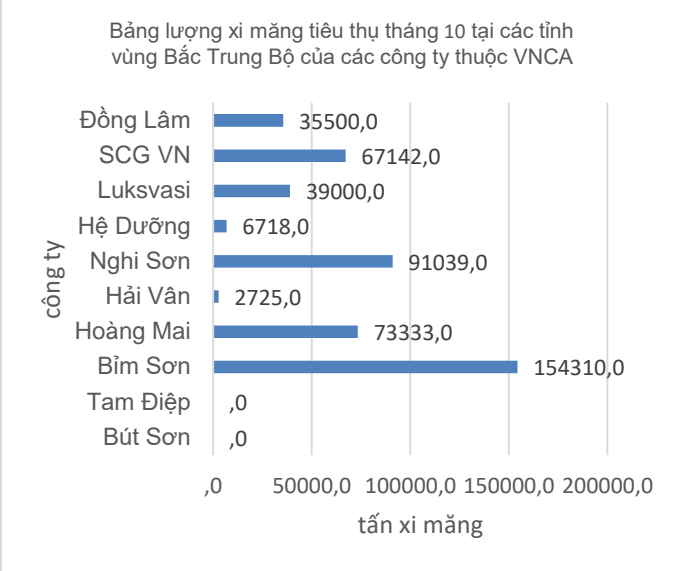
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 10: 1.334.820 tấn (tháng 9 là 1.285.590 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

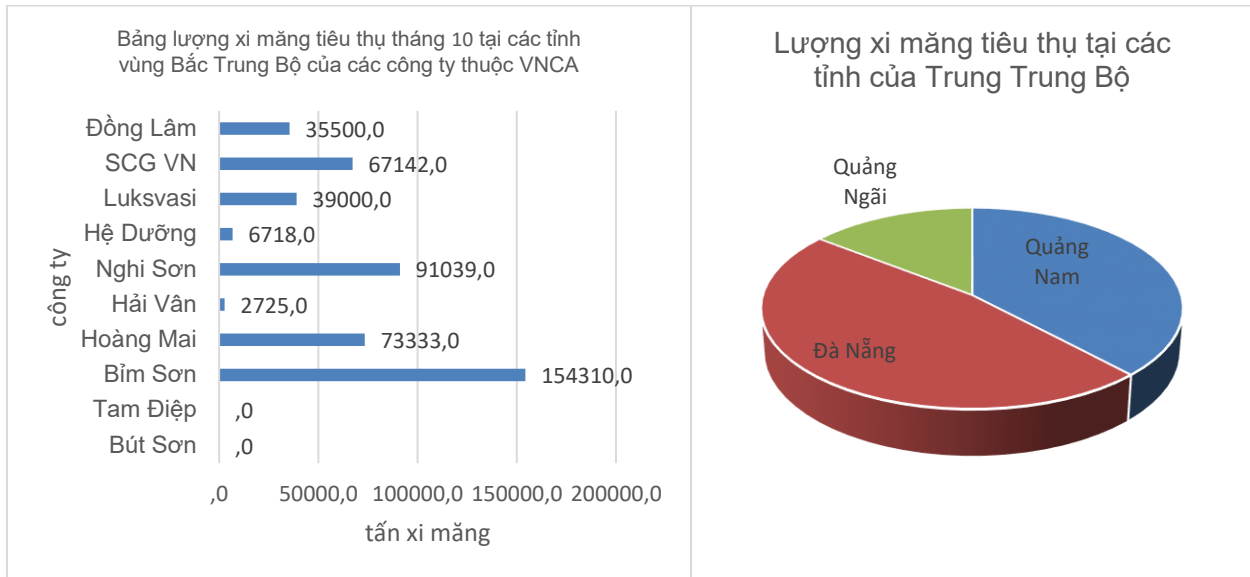


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 10/2019 như sau:

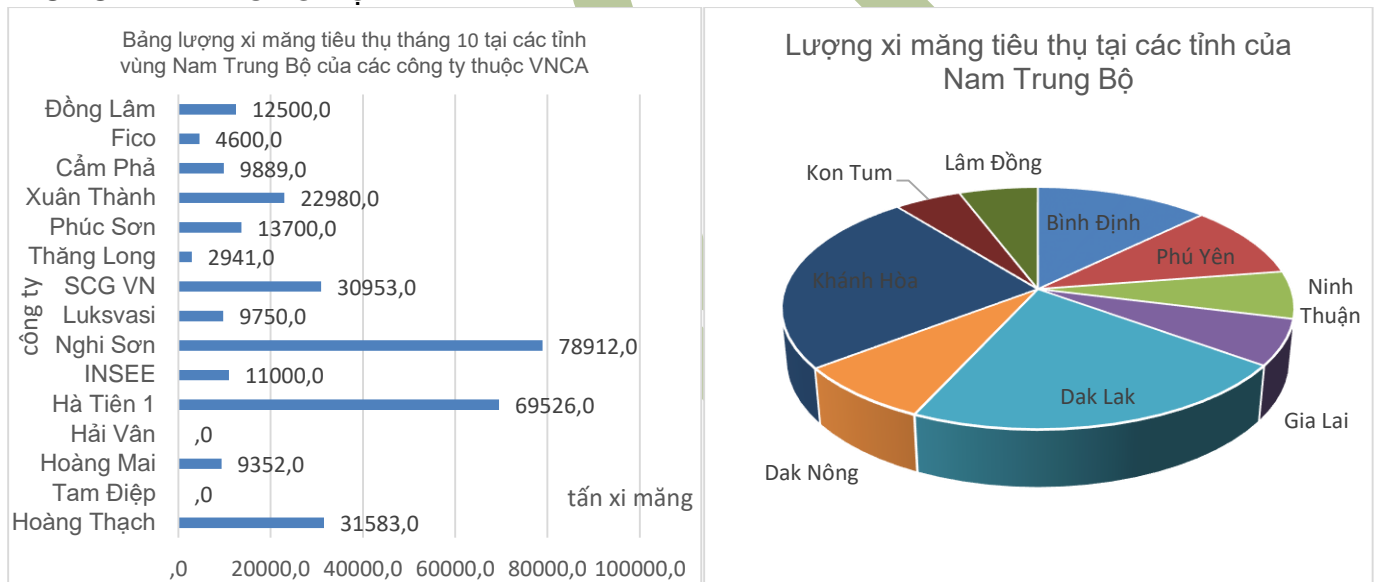
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG TRUNG TRUNG BỘ



VÙNG NAM TRUNG BỘ:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.035

- XM Bỉm Sơn: 1.350

- XM Hoàng Mai PCB 40 : 1.360

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100

- XM Quảng Trị: 980

- XM Sông Gianh: 1.360

-Phúc sơn: 1.340

- XM Luks VN PCB 40: 1.300

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

*** Giá XM tại Đà Nẵng:**

- XM Sông Gianh: 1.500 - XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.400

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.540

- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.580

XM Hoàng Mai PCB 40: 1.530

- XM Phúc Sơn: 1.480

- XM luks VN PCB 40: 1.520

-ChinFon: 1.520

*** Giá XM tại Gia lai, Đắc lăc, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.830

- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.830

- XM Phúc Sơn PCB 40: 1.730

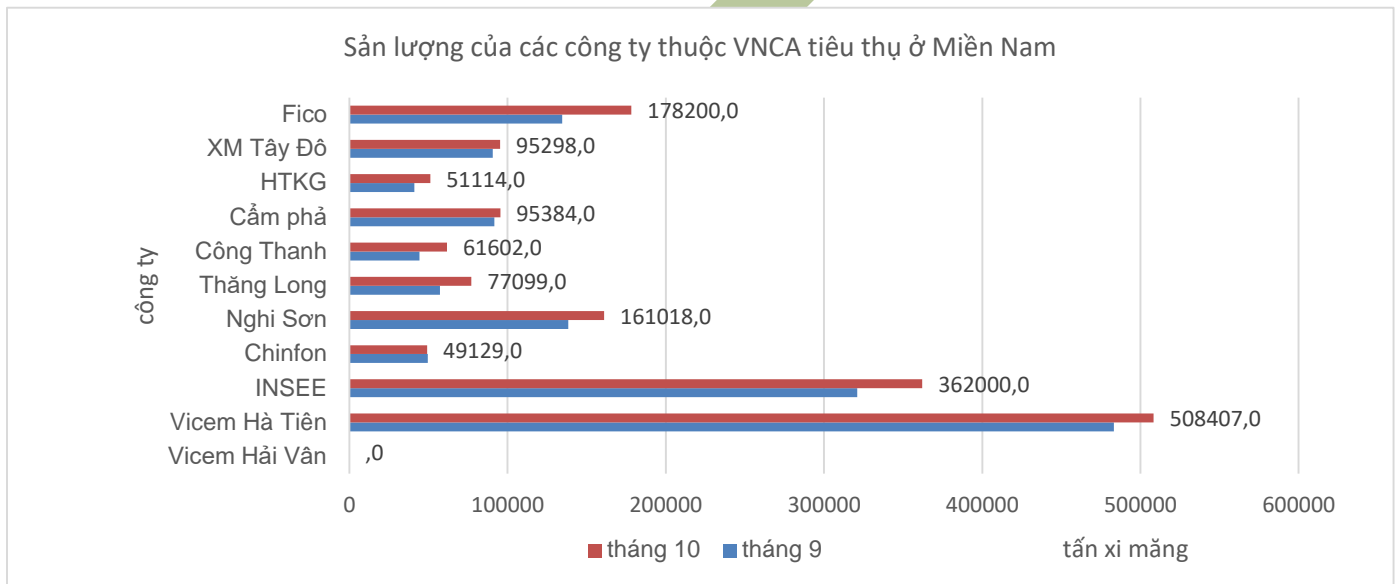
- XM Thăng Long 1.730

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.830

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

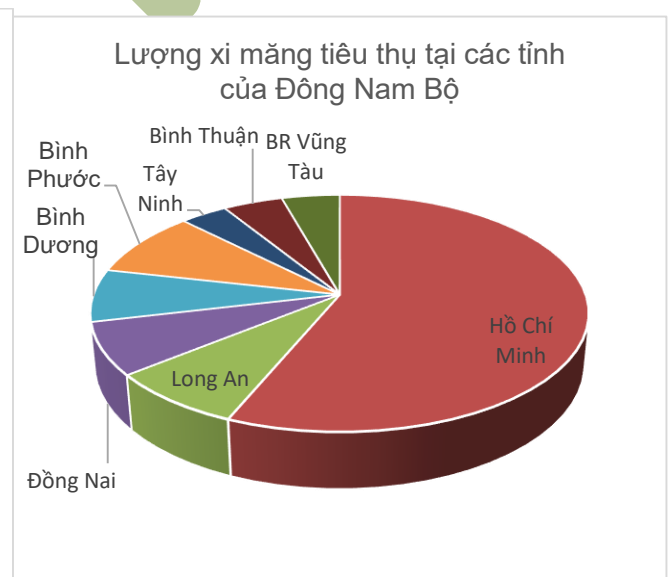
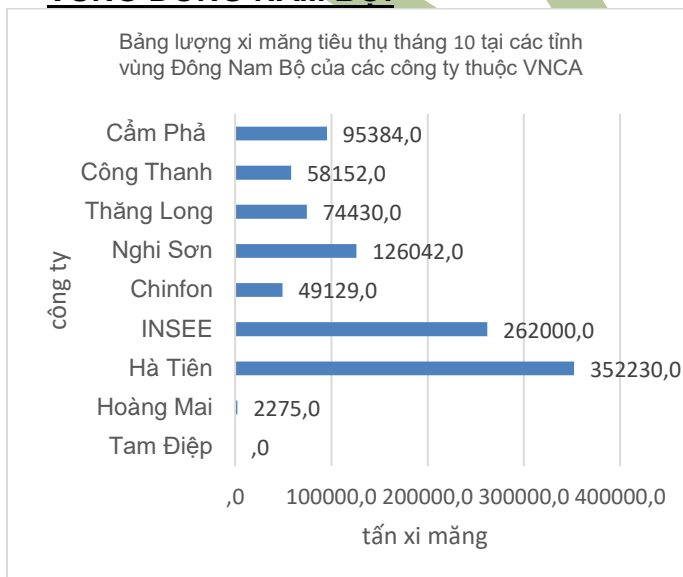
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 2.006.713 tấn (tháng 9 là 1.854.350 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

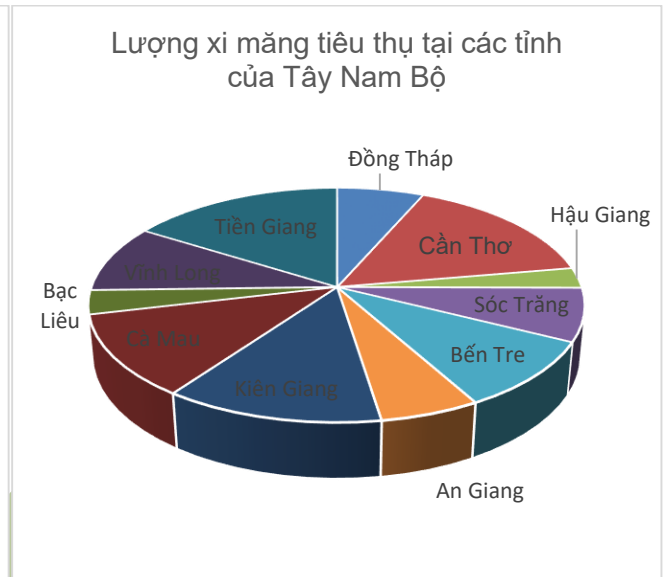
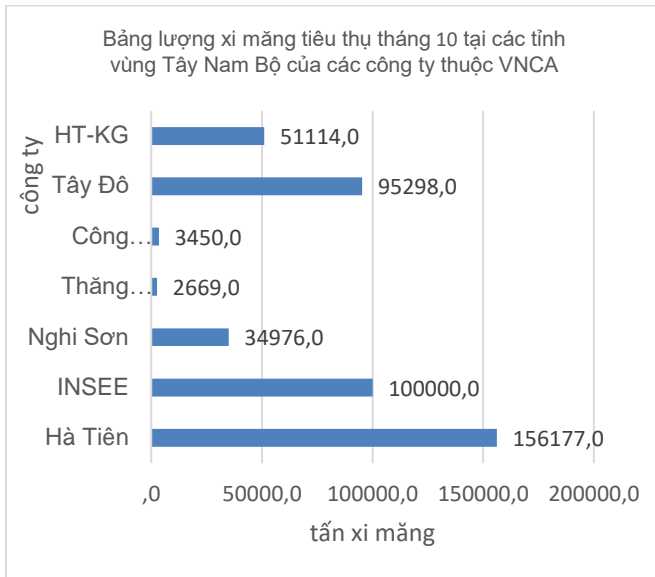


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 10/2019 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG TÂY NAM BỘ:



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 : 1.750
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.730
- XM ChinFon :1.530
- XM Cẩm phá PCB 40: 1.680
- XM Phúc Sơn: 1.580
- XM FICO: 1.600
- XM INSEE (Siam City Cement) đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Công Thanh: 1.600

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.780
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394 ; PCB 50 xá : 1.353 XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.700
- INSEE: 1.800

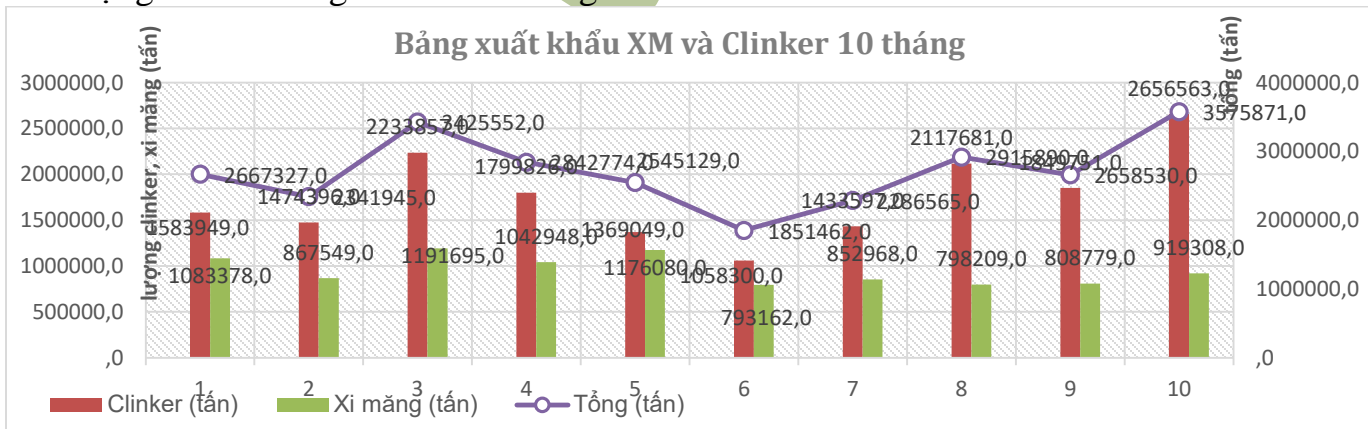
- * Giá xi măng tại Kiên Giang:**
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.760
 - XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) tại kho: 1.290 PCB 40: 1.390

Nhận xét chung thị trường nội địa:

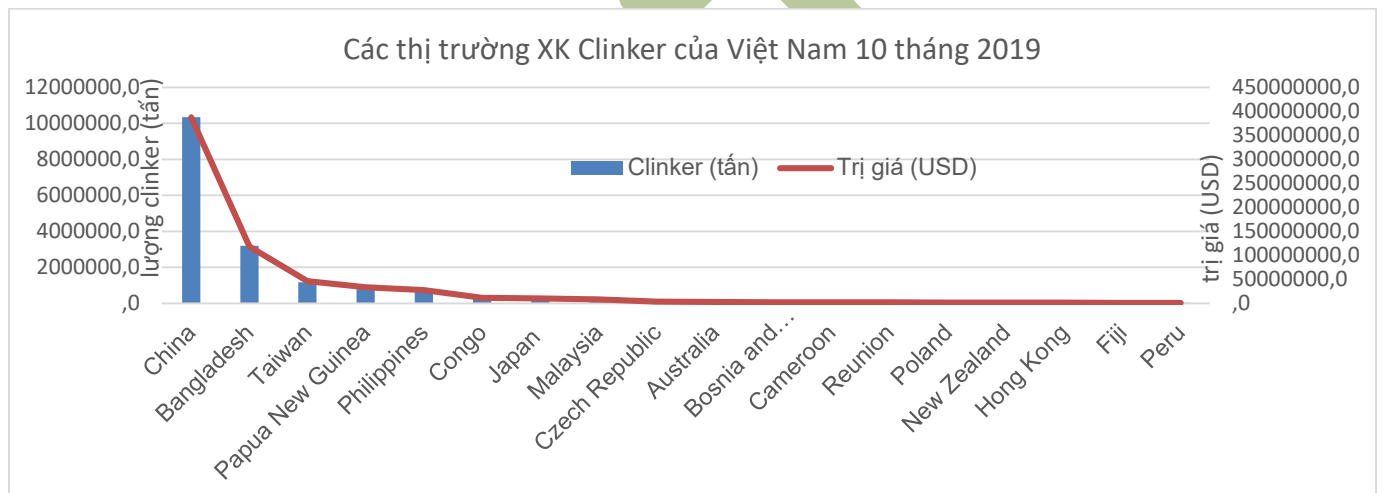
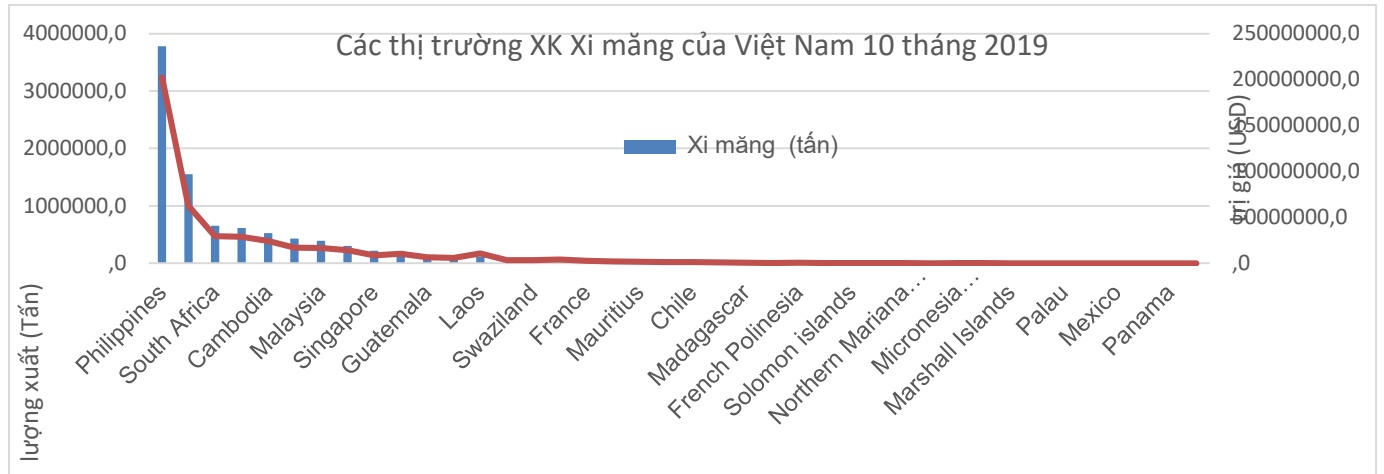
Về giá xi măng: Trong tháng 10, giá xi măng trong nước tương đối ổn định.
Tồn kho cuối tháng 10: Xi măng: 0,65 triệu tấn; clinker: 1,9 triệu tấn.

B- XUẤT KHẨU (XK)

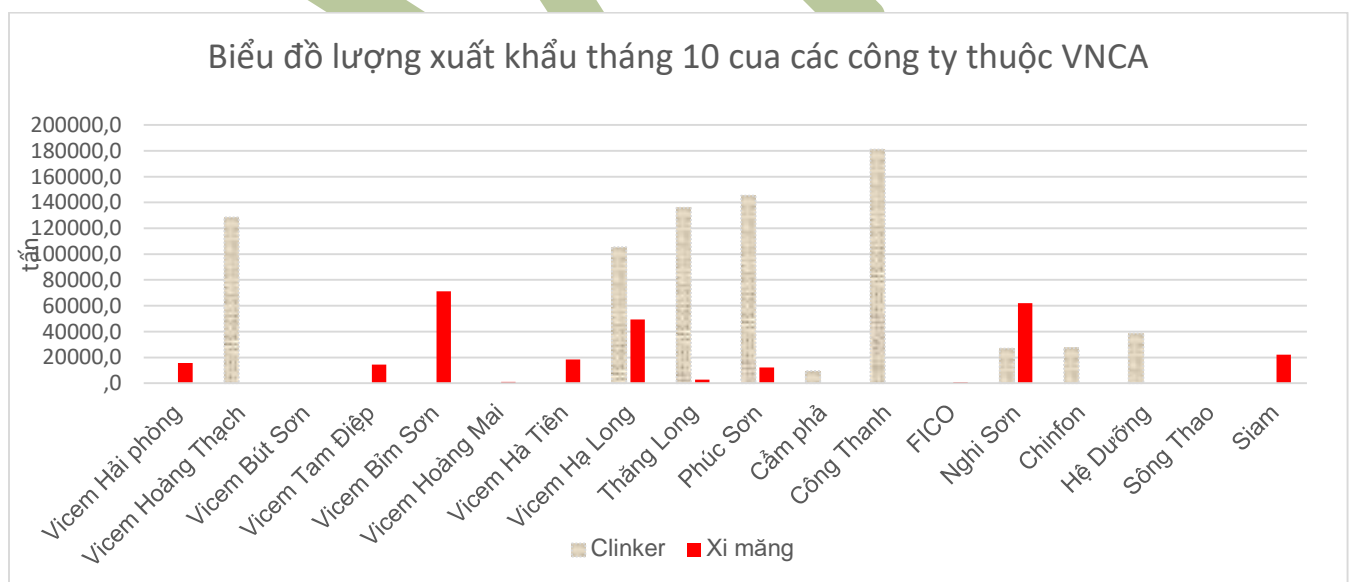
1. Lượng XK xi măng và clinker tháng 10 như sau:



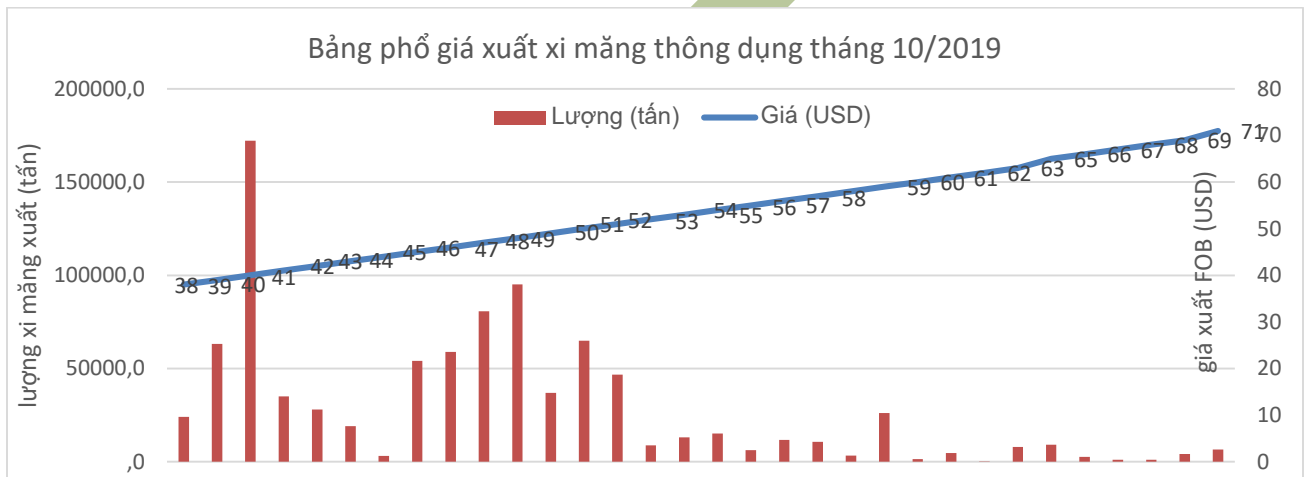
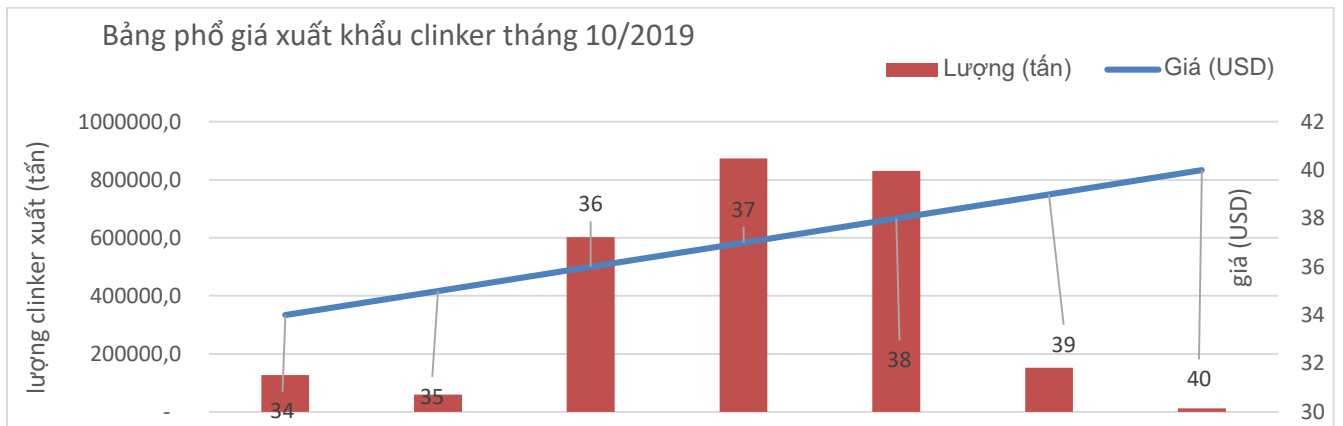
2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 10 tháng 2019:



3. Một số nhà XK trực tiếp (các nhà sản xuất) thuộc VNCA như sau:



4. Bảng phổ giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 10 như sau:



C- SX THÁNG 10, KẾ HOẠCH THÁNG 11/2019 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2019

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 10/2019	Lũy kế SX xi măng 2019	Kế hoạch TTND T11/2019	Lũy kế TTND năm 2019
A	Khối VICEM	2,006,913	20,520,043	2,192,000	17,952,068
1	Vicem Hải Phòng	132,000	1,083,626	236,000	1,330,000
2	Vicem Bỉm Sơn	312,394	2,935,390	327,000	2,222,067
3	Vicem Hoàng Thạch	300,000	2,642,740	385,000	3,272,821
4	Vicem Bút Sơn	166,241	2,586,115	320,000	2,504,151
5	Vicem Hà Tiên	548,800	5,494,296	650,000	5,770,949
6	Vicem Hải Vân	46,478	557,469	5,000	223,943
7	Vicem Hoàng Mai	110,000	1,219,189	176,000	1,046,373
8	Vicem Tam Điệp	141,700	1,346,816	6,000	375,943
9	Vicem Hạ Long	162,900	1,875,438	87,000	759,810
10	Vicem Sông Thao	86,400	778,965		446,011
B	Khối LD	1,703,099	16,786,746	1,639,020	14,633,779
1	XM Nghi Sơn	445,208	3,860,424	407,000	3,462,249

2	XM Chinfon	286,957	3,051,908	289,750	2,888,485
3	Siam City Cement	390,000	4,090,000	400,000	3,534,000
4	XM Luks(Vietnam)	90,000	1,165,000	80,000	894,000
5	XM Thăng Long	140,000	1,360,000	125,000	1,002,272
6	XM Hệ Dưỡng	40,934	460,414	53,270	402,077
7	SCG VN	240,000	2,045,000	230,000	1,914,826
8	XM Phúc Sơn	70,000	754,000	54,000	535,870
C	Khối các Cty xm khác	2,900,000	26,250,000	2,960,000	21,196,000
	Toàn XH: (A+B+C)	6,610,012	63,556,789	6,791,020	53,781,847

Đánh giá:

- TTND tháng 10: 5.729.771 tấn giảm 3% với cùng kỳ năm 2018, bằng 103% so với tháng 9/2019.
- Tiêu thụ nội địa 10 tháng đầu năm 2019: 53.781.847 tấn tăng 2% so với cùng kỳ năm 2018.
- Xuất khẩu tháng 10: 3.575.871 tấn (trong đó xi măng 919.308 tấn và clinker là 2.656.563 tấn) tăng 25% so với cùng kỳ 2018, tăng 35% so với tháng 9/2019.
- Xuất khẩu 10 tháng/2019: 27.111.045 tấn bằng 102% so với cùng kỳ năm 2018
- TTND và xuất khẩu tháng 10: 9.305.642 tấn bằng 106 % so với cùng kỳ năm 2018, tăng 14% so với tháng 9/2019.
- Lũy kế TTND và xuất khẩu 10 tháng năm 2019: 80.892.892 tấn bằng 102% so với cùng kỳ năm 2018.